TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2017/DS-PT
Ngày: 23-8-2017
V/v T/C hợp đồng vay tài sản và nợ hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Khánh Hùng**.

Các thẩm phán: Ông: **Nguyễn Văn Dũ**

Bà: **Tăng Thị Thúy Nga**

***Thư ký phiên toà*:** Ông **Châu Trần Nhật Nguyên** – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Trần Hồng Diễm** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2017/TLPT-DS ngày 30 tháng 6 năm 2017, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2017/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 128/2017/QĐ-PT ngày 19 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Tuyết L,** sinh năm 1969.
Địa chỉ: đường A, Khóm K, Phường Z, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết L là ông **Lưu Trí D**, sinh năm 1959, địa chỉ: đường L, Khóm N, Phường T, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông **Trần Văn M**, sinh năm 1971. (vắng mặt)
Bà **Nguyễn Thị Thanh B**, sinh năm 1975. (có mặt)

Cùng địa chỉ: đường T, Khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 13/09/2016 âm lịch (nhằm ngày 13/10/2016 dương lịch) bà Trần Thị Tuyết L có cho ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Thanh B vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận là 5%/tháng, thời hạn vay là 30 ngày phải trả vốn và lãi, mục đích vay tiền là để ông M kinh doanh. Ông M là

người trực tiếp nhận tiền, trong vụ việc vay tài sản này ông Phan Quang V là người đứng ra bảo lãnh số nợ này cho ông M và bà B. Nếu ông M và bà B không trả thì ông V sẽ trả số tiền trên cho bà L. Từ khi vay tiền đến nay, ông M và bà B chưa thanh toán tiền vốn và lãi theo thỏa thuận.

Ngoài ra bà Trần Thị Tuyết L có làm chủ dây hụi nửa tháng (15 ngày) có 18 chân hụi, mỗi chân 3.000.000 đồng, hụi bắt đầu khui ngày đầu tiên là 15/9/2016 âm lịch (nhằm ngày 15/10/2016 dương lịch), ông Trần Văn M có tham gia chơi hai chân hụi, sau khi hốt hụi số tiền 74.700.000 đồng thì ông M không đóng lại đầy đủ cho bà L.

Phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Thanh B trả cho bà Trần Thị Tuyết L số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng tạm tính từ ngày 13/9/2016 âm lịch đến ngày giải quyết xong vụ án.

- Buộc ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Thanh B trả cho bà Trần Thị Tuyết L số tiền nợ hụi là 74.700.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/9/2016 âm lịch đến ngày giải quyết xong vụ án với lãi suất 1,66%/tháng.

Trường hợp ông M và bà B không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền vay trên thì ông Phan Quang V phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho bà L.

Tại phiên tòa sơ thẩm phía nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là:

- Phía nguyên đơn không yêu cầu ông Phan Quang V phải có nghĩa vụ bảo lãnh số tiền nợ vay 100.000.000 đồng nếu ông M và bà B không trả.

- Phía nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi của số tiền vay theo mức lãi suất 1,125%/tháng, tính từ ngày 13/10/2016 dương lịch đến ngày 11/5/2017.

- Phía nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi của số tiền nợ hụi theo mức lãi suất là 0,75%/tháng, tính từ ngày 30/10/2016 âm lịch (nhằm ngày 30/11/2016 dương lịch) đến ngày 15/4/2017 âm lịch (nhằm ngày 10/5/2017 dương lịch) thành tiền là 1.485.000 đồng.

Phía nguyên đơn đồng ý nếu phía bị đơn thanh toán đầy đủ số tiền nợ thì phía nguyên đơn sẽ trả lại cho bị đơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà phía bị đơn đã cầm cố cho nguyên đơn khi vay số tiền 100.000.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Văn M trình bày:

Ông thừa nhận có vay của bà L số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 13/09/2016 âm lịch (nhằm ngày 13/10/2016 dương lịch), lãi suất do hai bên tự thỏa thuận là 9,0/%/tháng, thời hạn vay là 30 ngày phải trả vốn và lãi, mục đích vay để buôn bán kinh doanh thuốc thủy sản và nuôi tôm.

Trong quá trình vay ông có đóng tiền lãi là 4.500.000 đồng (khi trả không làm giấy tờ), hiện nay ông chưa trả tiền vốn. Khi vay tiền của bà L thì vợ ông là bà B không hay biết và ông Phan Quang V là người làm chứng chứ ông V không có

bảo lãnh cho số vay tiền của bà L.

Ngoài ra bà Trần Thị Tuyết L có làm chủ dây hụi nửa tháng (15 ngày) có 18 chân hụi, mỗi chân 3.000.000 đồng. Ông có chơi hai chân hụi, sau khi đóng hụi được lần đầu tiên thì ông hốt hai chân hụi mỗi chân là 37.350.000 đồng và ông có đóng lại 02 kỳ hụi, như vậy ông đóng tổng cộng 03 kỳ hụi, còn lại cho đến hôm nay chưa đóng tiền hụi.

Nay ông đồng ý trả số tiền vốn là 100.000.000 đồng và tiền lãi là theo quy định pháp luật. Ông M cũng đồng ý thanh toán số tiền nợ hụi của 12 kỳ hụi với số tiền 72.000.000 đồng mà bà L đã đóng thay cho ông M. Hiện nay còn lại 03 kỳ hụi chưa đến hạn đóng.

Về thời gian thanh toán nợ thì ông M xin mỗi tháng trả 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh B trình bày:

Bà và ông M là vợ chồng và hiện nay còn sống chung với nhau. Tuy nhiên bà không có vay tiền của bà L và cũng không biết việc ông M vay tiền và chơi hụi của bà L. Nay bà không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Sự việc được Tòa án nhân dân thành phố S thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2017/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 2 Điều 92, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng: Khoản 1 Điều 302; Khoản 2 Điều 305; Điều 471; Khoản 1 Điều 474; Điều 476; Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Áp dụng: Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn là ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Thanh B trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết L số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 7.800.000 đồng

Buộc bị đơn là ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Thanh B trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết L số tiền nợ hụi là 72.000.000 đồng và tiền lãi là 1.485.000 đồng.

Tổng cộng số tiền là 181.285.000 đồng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc sau khi ông M và bà B thanh toán các khoản nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn sẽ trả lại cho ông M và bà B giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 2822019 được UBND thành phố S cấp cho ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Thanh B vào ngày 04/10/2010.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông M và bà B còn phải trả số tiền lãi cho nguyên đơn theo

lãi suất 10%/năm, đối với tiền chậm thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

* Ngày 24/5/2017, bà Nguyễn Thị Thanh B kháng cáo bản án sơ thẩm số 10/2017/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng sửa bản án dân sự sơ thẩm như sau:

Không buộc bà phải liên đới chịu trách nhiệm với ông Trần Văn M về nợ vay, nợ hụi của bà Trần Thị Tuyết L số tiền 181.285.000 đồng nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết L không rút đơn khởi kiện, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh B giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo qui định của pháp luật. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của pháp luật về phiên tòa phúc thẩm. Đại diện cho nguyên đơn, người kháng cáo chấp hành pháp luật nghiêm túc từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Bị đơn ông Trần Văn M chưa chấp hành đúng theo các qui định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà B, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2017/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] **Về tố tụng**: Ngày 12/5/2017, Tòa án nhân dân Thành phố S, tỉnh Sóc Trăng mở phiên tòa xét xử theo yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết L về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi*" và đã tuyên án bằng bản án số 10/2017/DS-ST. Ngày 23-5-2017, không đồng ý với bản án sơ thẩm nên bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án. Xét về thời hạn kháng cáo, người có quyền kháng cáo đã đảm bảo theo đúng qui định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên thẩm quyền giải quyết phúc thẩm thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng theo điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Thanh B là Luật sư Bùi Ngọc T, thành viên Văn phòng Bùi Ngọc T, thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ và ông Trần Văn M vắng mặt. Luật sư T có

gửi ý kiến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà B để Hội đồng xét xử xem xét, ông M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của Luật sư Bùi Ngọc T và ông Trần Văn M.

[**2**] **Về nội dung**:

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo là bà Nguyễn Thị Thanh B trình bày: Đối với số tiền mà cấp sơ thẩm buộc trả 181.285.000 đồng (*trong đó tiền vay và lãi của số tiền vay là 107.800.000 đồng; tiền nợ hụi và lãi của tiền hụi là 73.485.000 đồng*) và lãi chậm trả, án phí bà không có kháng cáo. Bà không đồng ý với bản án sơ thẩm về buộc bà phải có trách nhiệm liên đới cùng với ông M trả số tiền này cho bà L là không đúng vì bà không vay cũng không tham gia chơi hụi với bà L.

Xét phần trình bày này của bà B thấy rằng: Tại phiên tòa bà B thừa nhận giữa bà và ông M hiện còn là vợ chồng, hai ông bà còn chung sống tại đường T, Khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Việc ông M mở cửa hàng bán thuốc thủy sản và nuôi tôm bà biết và không phản đối. Ông M cho rằng lợi nhuận có được từ việc kinh doanh và nuôi tôm đều nhằm mục đích phục vụ đời sống chung của gia đình. Tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình qui định:

"1. *Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện qui định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với qui định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này*.

2. *Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này*."

Tại Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"*Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:*

1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm;

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;

3. Nghĩa vụ phát sinh từ việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung;

4. Nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng tài sản riêng để duy trì, phát triển khối tài sản chung hoặc để tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình;

5. Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do con người gây ra mà theo quy định của Bộ luật dân sự thì cha mẹ phải bồi thường;

6. Nghĩa vụ khác theo quy định của các luật có liên quan."

Như vậy theo quy định này thì các giao dịch do ông M với bà L trên cơ sở tự nguyện giao kết, đúng pháp luật và không trái với đạo đức xã hội, mục đích vay tiền và tham gia chơi hụi của ông M là để kinh doanh kiếm tiền nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống chung của gia đình như ông M trình bày là có cơ sở.

Do đó cần xác định đây là khoản nợ chung giữa ông M và bà B, nên cấp sơ thẩm buộc bà B có trách nhiệm liên đới trả số tiền 181.285.000 đồng là có cơ sở và đúng pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh B là không có cơ sở để chấp nhận. Do đó quan điểm và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bà B cũng không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan điểm và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[**3**] **Về án phí**: Do kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh B không được chấp nhận nên bà B phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 và Khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 302, khoản 2 Điều 305, Điều 471, khoản 1 Điều 474, 476, 479 Bộ luật dân sự năm 2005.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh B;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2017/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố S đã xét xử về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi"* giữa nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết L và bị đơn ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Thanh B.

Buộc bị đơn là ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Thanh B trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết L số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 7.800.000 đồng

Buộc bị đơn là ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Thanh B trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết L số tiền nợ hụi là 72.000.000 đồng và tiền lãi là 1.485.000 đồng.

Tổng cộng số tiền là 181.285.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà B được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007186 ngày 24/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy bà B đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Các phần khác của án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, không ghi trong phần quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã Ký)

Nguyễn Khánh Hùng

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố S;
- Chi cục THADS thành phố S;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-TDS.